|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
|  | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /2023/TT-BCA | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |
|  |  |

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Quy định kiểm định nước thải trong hoạt động kiểm định môi trường phục vụ công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của lực lượng Cảnh sát môi trường**

*Căn cứ Pháp lệnh Cảnh sát môi trường ngày 23 tháng 12 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát môi trường;*

*Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định kiểm định nước thải trong hoạt động kiểm định môi trường phục vụ công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của lực lượng Cảnh sát môi trường.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về kiểm định nước thải trong hoạt động kiểm định môi trường phục vụ công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của lực lượng Cảnh sát môi trường bao gồm thu mẫu, đo kiểm tại hiện trường, kiểm định mẫu nước thải, điều kiện chuyên môn của cán bộ kiểm định, bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng trong kiểm định nước thải.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Cảnh sát môi trường.

2. Công an các đơn vị, địa phương.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Nguyên tắc áp dụng phương pháp kiểm định nước thải**

1. Việc kiểm định nước thải được áp dụng phương pháp quy định tại Thông tư này hoặc các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với nước thải; trường hợp tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực có quy định về phương pháp kiểm định nước thải mà độ chính xác cao hơn các phương pháp quy định tại Thông tư thì được áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực đó.

2. Các phương pháp kiểm định nước thải được quy định tại Thông tư này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các phương pháp mới.

**Điều 4. Giải thích thuật ngữ**

Các thuật ngữ trong Thông tư này được hiểu như sau:

1. *Địa điểm thu mẫu nước thải* là nơi, khu vực, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà từ đó thu được một hoặc nhiều mẫu nước thải khác nhau.

2. *Điểm thu mẫu nước thải* là vị trí cụ thể được xác định trong địa điểm thu mẫu nước thải.

3. *Họng xả thải* là đoạn kênh (mương hoặc cống) cuối dòng thải được tính từ điểm thu gom tất cả các nguồn thải của cơ sở (với một số cơ sở là từ sau hệ thống xử lý nước thải) ra đến cửa xả ra nguồn tiếp nhận (nơi nước thải đổ vào nguồn tiếp nhận). Mọi điểm trên họng xả thải đều có vai trò là cửa xả ra môi trường.

4. *Kiểm định môi trường* trong Cảnh sát nhân dân là hoạt động kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo một quy trình nhất định nhằm tìm ra mức độ vượt ngưỡng quy định trong quy chuẩn kỹ thuật môi trường của các thông số môi trường.

5. *Kiểm định nước thải* trong Cảnh sát nhân dân là hoạt động kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo một quy trình nhất định nhằm tìm ra mức độ vượt ngưỡng của các thông số môi trường được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật môi trường về nước thải.

6. *Lấy mẫu nước thải* là quá trình lấy một phần nước thải được coi là đại diện cho dòng nước thải và phải đáp ứng được các mục tiêu sử dụng mẫu đó.

7. *Mẫu con* là bộ phận của mẫu tổng, là những mẫu được lấy cùng thời gian tại một điểm thu mẫu. Các mẫu con thường được bảo quản khác nhau, hoặc để sử dụng cho các mục đích phân tích khác nhau.

8. *Mẫu đơn* (mẫu điểm)là một mẫu riêng lẻ được lấy ngẫu nhiên (về thời gian hoặc vị trí) từ một điểm thu mẫu. Trong một mẫu đơn đặc trưng, toàn bộ thể tích mẫu được lấy ở một thời điểm (một khoảng thời gian ngắn). Mẫu đơn có thể được lấy bằng cách thu thập nhiều lần rồi trộn lẫn vào nhau tại 1 vị trí hoặc tại một số vị trí gần nhau cho đảm bảo tính đại diện và phải được lấy trong khoảng thời gian không quá 15 phút (khoảng thời gian lấy mẫu này được coi như một thời điểm trong lấy mẫu môi trường).

9. *Mẫu tổng* (mẫu đơn, mẫu điểm) là mẫu được lấy tại 01 điểm thu mẫu và đại diện cho điểm thu mẫu đó. Mẫu tổng thường có nhiều mẫu con.

10. *Nhà thầu chính* trong kiểm định môi trường là đơn vị kiểm định môi trường thuộc lực lượng Cảnh sát môi trường.

11. *Nhà thầu phụ* trong kiểm định môi trường là đơn vị được nhà thầu chính thuê, giao thực hiện một hoặc một số công việc kiểm định môi trường.

12. *Thu mẫu nước thải* (thu thập mẫu vật môi trường là nước thải) là hoạt động của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc lấy các mẫu nước thải về phân tích trong phòng thử nghiệm để xác định mức độ vượt ngưỡng cho phép của các thông số môi trường hoặc mức độ xuất hiện các yếu tố ô nhiễm với mục đích phát hiện, chứng minh và phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường.

**Điều 5. Điều kiện chuyên môn của cán bộ kiểm định**

1. Cán bộ làm nhiệm vụ thu mẫu nước thải, đo kiểm tại hiện trường phải có trình độ trung cấp trở lên và được tập huấn, cấp giấy chứng nhận do Cục Cảnh sát môi trường hoặc đơn vị có năng lực tổ chức.

2. Cán bộ làm nhiệm vụ kiểm định mẫu nước thải phải có trình độ đại học trở lên và được tập huấn, cấp giấy chứng nhận do Cục Cảnh sát môi trường hoặc đơn vị có năng lực tổ chức.

**Điều 6. Trách nhiệm của cán bộ và đơn vị quản lý cán bộ kiểm định nước thải**

1. Trách nhiệm của cán bộ

a) Thực hiện đúng quy trình vận hành, sử dụng, bảo quản phương tiện, thiết bị kiểm định nước thải và chịu trách nhiệm về việc sử dụng phương tiện, thiết bị kiểm định nước thải;

b) Đảm bảo thiết bị hoạt động bình thường, ổn định và đã được hiệu chuẩn theo quy định; thực hiện các biện pháp khắc phục hoặc hạn chế ảnh hưởng nền mẫu theo hướng dẫn hoặc khuyến cáo của nhà sản xuất; thực hiện đầy đủ quy trình phân tích, kiểm soát chất lượng;

c) Chỉ sử dụng kết quả của mẫu kiểm định khi kết quả kiểm soát chất lượng đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 4 Điều 22 của Thông tư này.

d) Từ chối kiểm định mẫu nước thải trong trường hợp mẫu được thu và bảo quản không bảo đảm chất lượng, không đúng quy định trong Thông tư này.

2. Trách nhiệm của đơn vị quản lý cán bộ kiểm định

a) Lập hồ sơ quản lý phương tiện, thiết bị kiểm định nước thải bao gồm: lý lịch thiết bị; hướng dẫn sử dụng; nhật ký sử dụng; giấy kiểm định hoặc hiệu chuẩn; sổ giao, nhận thiết bị;

b) Tổ chức bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm các phương tiện, thiết bị kiểm định nước thải; mua sắm hóa chất, vật tư theo quy định, kịp thời sửa chữa ­­phương tiện, thiết bị kiểm định đảm bảo công tác;

c) Mở và lưu trữ hồ sơ về năng lực chuyên môn của cán bộ kiểm định: lý lịch khoa học; hồ sơ đào tạo, các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận liên quan; bảng thống kê năng lực kiểm định của cán bộ (để theo dõi, phân công thực hiện việc kiểm định);

d) Hàng năm, phải đánh giá năng lực kiểm định của cán bộ thông qua tham gia các chương trình thử nghiệm thành thạo (do Cục Cảnh sát môi trường hoặc đơn vị có chức năng tổ chức) hoặc thông qua các kết quả kiểm soát chất lượng; phải thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng kiểm định. Cán bộ có kết quả đánh giá không đạt phải được tập huấn bổ sung trước khi tiếp tục thực hiện công tác kiểm định;

đ)Mở và lưu trữ đầy đủ hồ sơ về kiểm định nước thải, bao gồm hồ sơ về thu mẫu, hồ sơ đo kiểm hiện trường (nếu có), hồ sơ kiểm định mẫu nước thải trong phòng thử nghiệm và các văn bản, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ việc kiểm định.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH KỸ THUẬT**

**Mục 1**

**THU MẪU NƯỚC THẢI VÀ ĐO KIỂM TẠI HIỆN TRƯỜNG**

**Điều 7. Thực hiện công tác chuẩn bị thu mẫu**

1. Thiết bị, dụng cụ và hóa chất bảo quản

a) Hóa chất bảo quản mẫu bao gồm: HNO3đđ hoặc HNO3 1:1, H2SO4đđ hoặc H2SO4 1:1, HClđđ hoặc HCl 1:1, NaOH có nồng độ từ 6 M đến 10 M, (CH3COO)2Zn 10%, Na2S2O3 hoặc Na2SO3, nước cất deion, hóa chất cần thiết khác sử dụng cho bảo quản mẫu nước môi trường theo TCVN 6663-3: 2016 (ISO 5667-3:2012): Chất lượng nước - Lấy mẫu - Phần 3: Bảo quản và xử lý mẫu nước;

Hóa chất sử dụng để bảo quản mẫu phải đạt cấp tinh khiết phân tích (PA). Nước cất là loại nước cất tinh khiết deion, ít nhất là loại 2 theo TCVN 4851:1989. Mọi hóa chất đều phải được bảo quản đúng quy định; dán nhãn ghi rõ tên hoặc loại hóa chất, nồng độ, ngày chuẩn bị, thời gian sử dụng và các thông tin khác (nếu có), không sử dụng hóa chất hết hạn;

b) Dụng cụ thu mẫu bao gồm: Dụng cụ lấy mẫu nước thải thủ công; ca lấy mẫu; lọc rác; dụng cụ lọc màng và màng lọc cỡ lỗ 0,45 $µ$m; các loại pipet để lấy dung dịch hóa chất; giấy thử pH; dụng cụ chứa mẫu trung gian (xô bằng nhựa có dung tích từ 10 lít trở lên); thùng bảo ôn các cỡ khác nhau (dung tích trên 25 lít trở lên); gel đá (hoặc đá lạnh); túi nilon đen (để che sáng cho mẫu); túi nilon trong suốt (để bọc dụng cụ sạch); giấy lau dụng cụ thí nghiệm (giấy cuộn); băng dính trong suốt (bản rộng và bản hẹp); vali thu mẫu nước thải; bộ tài liệu kèm theo vali thu mẫu (phôi các biểu mẫu về Kế hoạch thu, bảo quản mẫu nước thải; phôi nhãn mẫu; phôi tem niêm phong; phôi Biên bản thu và niêm phong mẫu vật môi trường; phôi Yêu cầu kiểm định mẫu môi trường; phôi Báo cáo thu mẫu; cặp kẹp tài liệu cỡ A4); tô vít kèm vít nhỏ, kéo inox, bút dạ kính; ủng cao su; găng tay (cao su, nilon, sợi); khẩu trang y tế, khẩu trang phòng độc; đai lưng an toàn; dây thừng làm dây an toàn và dây gàu; mũ bảo hộ lao động;

Các loại bình chứa mẫu bằng chất dẻo với các dung tích 300 ml, 500 ml, 1000 ml, 1100 ml hoặc lớn hơn; bình chứa mẫu nước bằng thủy tinh màu trắng và màu tối với các dung tích 300 ml, 500 ml, 750 ml, 1000 ml hoặc lớn hơn; bình chứa mẫu nước bằng thủy tinh borosilicat (BG) với các dung tích 300 ml, 500 ml, 750 ml, 1000 ml hoặc lớn hơn; bình tiệt trùng để đựng mẫu vi sinh (dung tích từ 150 ml trở lên);

c) Thiết bị bao gồm: thiết bị lấy mẫu nước thải; thiết bị xác định tọa độ địa lý (GPS); thiết bị hoặc nhiệt kế đo nhiệt độ của nước; thiết bị đo pH tại hiện trường; thiết bị đo TDS; thiết bị đo lưu lượng; thiết bị đo vận tốc; thiết bị đo, phân tích clo dư; thiết bị đo độ màu; thiết bị chụp ảnh hoặc quay phim; đèn chiếu sáng khi làm việc ban đêm và các thiết bị phù hợp khác liên quan.

2. Nhận nhiệm vụ, lập kế hoạch và thực hiện công tác chuẩn bị

a) Nhận nhiệm vụ và lập kế hoạch

Khi nhận nhiệm vụ thu mẫu nước thải, cán bộ kiểm định có trách nhiệm thu thập thông tin cần thiết từ đơn vị yêu cầu để lập kế hoạch thu, bảo quản mẫu nước thải theo Mẫu KHTMthuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Kế hoạch thu, bảo quản mẫu nước thải phải được lãnh đạo, chỉ huy phê duyệt để xác nhận các nội dung cần thực hiện;

b) Thực hiện công tác chuẩn bị trang thiết bị và phương tiện

Căn cứ vào Kế hoạch thu mẫu nước thải đã lập để chuẩn bị đúng chủng loại, đúng và đủ về số lượng và chất lượng các trang thiết bị: dụng cụ chứa mẫu (có dự phòng), dụng cụ lấy mẫu, dụng cụ và hóa chất bảo quản mẫu, dụng cụ xử lý sơ bộ, vật tư niêm phong, vật tư làm nhãn, phôi biên bản thu và niêm phong mẫu vật, bảo hộ và đảm bảo an toàn cho lấy mẫu, thiết bị đo tại hiện trường và các vật dụng hỗ trợ khác. Kiểm tra độ sạch của các dụng cụ chứa và lấy mẫu. Dụng cụ chứa mẫu, dụng cụ lấy mẫu phải được làm sạch theo quy định trong các tiêu chuẩn về lấy mẫu và bảo quản mẫu môi trường. Bình đựng mẫu phải được làm sạch theo đúng quy cách với từng nhóm mẫu. Dụng cụ chứa mẫu vi sinh phải đảm bảo tiệt trùng. Việc chuẩn bị phải được thực hiện trước: làm sạch bình chứa mẫu, pha chế hóa chất bảo quản, trừ loại chỉ được pha trước khi đi lấy mẫu; phôi biên bản, phôi tem và nhãn; vali thu mẫu môi trường và các dụng cụ cần thiết khác. Bình đựng mẫu và dụng cụ lấy mẫu nước thải sạch và được bao kín bằng nilon trong suốt.

**Điều 8. Thông số môi trường cần kiểm định**

1. Thông số môi trường nước thải cần kiểm định được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường mà nước thải đó phải tuân thủ.

2. Lựa chọn những thông số môi trường đặc trưng, có khả năng vượt ngưỡng cho phép để kiểm định. Căn cứ lựa chọn: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, giấy phép môi trường, loại hình sản xuất, quy mô, đặc điểm nguồn thải, thông tin từ hoạt động trinh sát, điều tra cơ bản và yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác định các thông số cần kiểm định.

**Điều 9. Xác định điểm thu mẫu**

1. Điểm thu mẫu nước thải được chọn tại họng xả thải (cửa xả ra môi trường). Chọn một vị trí tại họng xả thải làm điểm thu mẫu sao cho tại đó: có dòng chảy rối, dòng nước thải hòa trộn đều, dễ tiếp cận, bảo đảm an toàn cho người và thiết bị lấy mẫu. Nếu vị trí dự kiến chọn làm điểm thu mẫu không bảo đảm an toàn thì phải loại bỏ và chọn vị trí khác sao cho bảo đảm an toàn.

2. Sau khi xác định được điểm thu mẫu, phải xác định tọa độ địa lý của điểm thu mẫu bằng thiết bị xác định tọa độ địa lý. Trường hợp không thể xác định được bằng thiết bị xác định tọa độ địa lý thì phải chọn vật chuẩn cố định chắc chắn để làm mốc mô tả vị trí điểm thu mẫu trong biên bản thu mẫu.

3. Trường hợp họng xả thải không có vị trí nào có dòng chảy rối thì tùy theo đặc điểm mặt cắt dòng thải mà chọn một trong hai cách lấy mẫu sau:

a) Chọn ít nhất 3 vị trí trở lên theo mặt cắt ngang dòng thải, không được sát bờ kênh thải. Thực hiện kỹ thuật lấy mẫu đơn dạng tổ hợp theo không gian bằng cách lấy mẫu tại các vị trí đã chọn với lượng gần bằng nhau trong khoảng thời gian không quá 15 phút, trộn đều cho đồng nhất mẫu;

b) Tạo vách ngăn hình chữ V hoặc hình chữ nhật thu hẹp tiết diện dòng nước thải để tạo dòng chảy rối. Điểm lấy mẫu là vị trí ở phía sau phần thu hẹp, cách chỗ thu hẹp ít nhất một khoảng bằng 3 lần đường kính họng xả thải.

**Điều 10. Tiến hành lấy, bảo quản mẫu**

1. Chuẩn bị cho việc lấy mẫu

a) Dọn sạch khu vực đã chọn làm điểm thu mẫu để loại bỏ các cặn, bùn, các lớp vi khuẩn ở trên thành cống thải, vật nổi trên mặt nước. Nếu dòng thải không có điều kiện chảy rối thì thực hiện như khoản 3 Điều 9. Khi có sự phân tầng ở dòng thải thì phải khuấy trộn đều dòng thải trước khi lấy mẫu;

b) Kiểm tra lại độ sạch của các bình chứa mẫu, dụng cụ lấy và chứa mẫu trung gian. Rà soát và chuẩn bị các dụng cụ và hóa chất để xử lý sơ bộ. Kiểm tra và chuẩn bị vật tư niêm phong. Chuẩn bị các trang thiết bị bảo hộ và các điều kiện cần thiết khác (có thể ghi và dán nhãn mẫu vào thời điểm này);

c) Lắp dụng cụ lấy mẫu (nối cán của cây lấy mẫu, buộc dây gàu), mặc bảo hộ lao động và các thiết bị bảo đảm an toàn khác.

2. Thao tác lấy mẫu

a) Việc lấy mẫu phải có mặt chủ nguồn thải hoặc người đại diện của cơ sở có nguồn thải. Trường hợp chủ nguồn thải hoặc người đại diện vắng mặt hoặc không hợp tác thì trưởng đoàn công tác có trách nhiệm lập biên bản về sự vắng mặt hoặc không hợp tác và phải có người chứng kiến việc lấy mẫu;

b) Trước khi lấy mẫu phải cho chủ nguồn thải hoặc người đại diện của cơ sở có nguồn thải hoặc người chứng kiến thấy dụng cụ lấy và chứa mẫu đảm bảo sạch, các dụng cụ và hóa chất đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia về lấy mẫu. Chụp ảnh hoặc quay phim về điểm thu mẫu và hoạt động thu mẫu;

c) Sử dụng dụng cụ lấy mẫu để múc nước thải vào dụng cụ chứa trung gian (xô sạch có dung tích từ 10 đến 15 lít). Nếu chiều sâu dòng nước thải nhỏ hơn 01 mét, độ sâu lấy mẫu nước thải nằm ở 1/3 chiều sâu dòng nước thải tính từ bề mặt nước. Nếu chiều sâu dòng nước thải lớn hơn 01 mét thì lấy ở độ sâu từ 20 cm đến 50 cm tính từ mặt nước. Với các cửa xả thải nhỏ và dạng thác thì chọn điểm lấy mẫu ở giữa dòng nước thải. Trường hợp phải khuấy trộn dòng nước thải cho đều thì sau khi khuấy, phải để 05 phút cho cặn thô lắng xuống đáy mới tiến hành lấy mẫu. Phải lọc rác trước khi cho mẫu vào dụng cụ chứa trung gian;

d) Trường hợp lấy mẫu xác định các chất nổi và nhũ hóa thì phải tráng dụng cụ chứa trung gian bằng đầy nước thải, đổ nước tráng đi rồi lấy mẫu như bình thường.

3. Nạp mẫu vào bình chứa, bảo quản mẫu

a) Nạp mẫu vào bình chứa: dùng ca để lấy mẫu từ dụng cụ chứa trung gian nạp vào bình chứa. Mức độ đầy vơi khi nạp mẫu vào bình chứa phải căn cứ vào quy định đối với từng loại thông số phân tích. Với những bình mẫu phải cho hóa chất bảo quản thì chỉ nạp gần đủ, rồi thực hiện bước nạp hóa chất bảo quản mẫu. Lọc mẫu trước khi nạp nếu yêu cầu quy định;

b) Bảo quản mẫu bằng hóa chất: những mẫu cần phải bảo quản bằng hóa chất thì thêm loại và lượng hóa chất theo quy định trong bảng TSNT thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này hoặc theo tiêu chuẩn quốc gia về bảo quản và xử lý mẫu nước. Hóa chất thường dùng: H2SO4 1:1; HNO3 1:1; HCl 1:1; NaOH 10 M; (CH3COO)2Zn 10 %. Sau khi thêm đủ lượng hóa chất, nạp bổ sung lượng nước thải cho đến đủ hoặc đầy như quy định thì vặn chặt nút bình. Lật ngược bình chứa mẫu và lắc để kiểm tra độ kín của nắp bình, nếu có nước rỉ ra ngoài thì phải vặn chặt lại, lau khô, lắc kiểm tra lần nữa. Nếu nước vẫn rò rỉ ra ngoài thì phải thay bình chứa khác. Khi thêm hóa chất dạng lỏng, không được quá 05 ml hóa chất cho 01 lít mẫu. Để đạt tới pH ≤ 2, có thể lấy lượng chính xác theo tỷ lệ 4 ml axit 1:1 hay 2 ml axit đậm đặc cho 01 lít mẫu.

**Điều 11. Nhãn mẫu**

1. Làm nhãn mẫu ngay sau khi thêm hóa chất. Ghi mẫu theo nội dung có sẵn trên tem nhãn trắng (tên, ký hiệu, thời gian thu mẫu và hóa chất bảo quản). Ký hiệu mẫu phải được ghi sao cho không bị nhầm lẫn trong các quá trình lập biên bản, vận chuyển, kiểm định, lưu mẫu, đồng thời không được trùng nhau giữa các mẫu được thu trong vòng 01 năm, thể hiện được đặc trưng riêng của nơi thu mẫu.

2. Dán nhãn lên bình chứa mẫu: nhãn phải bám chắc vào bình chứa, không để bị thấm nước, phải dùng băng dính trong suốt rộng bản dán đè kín lên mặt nhãn và bao tròn hơn một vòng quanh bình chứa để cố định chặt và kín toàn bộ tem nhãn vào thành bình (nhãn mẫu có thể được ghi và dán lên bình chứa trước khi lấy mẫu).

**Điều 12. Niêm phong mẫu**

1. Thực hiện niêm phong mẫu con hoặc mẫu tổng. Dùng tem niêm phong dán đè qua nơi tiếp giáp, dán băng dính trong suốt đè kín toàn bộ bề mặt tem niêm phong.

2. Tem niêm phong phải có chữ ký của cán bộ thu mẫu và chủ nguồn thải hoặc người đại diện cơ sở có nguồn thải. Trường hợp chủ nguồn thải hoặc người đại diện cơ sở có nguồn thải vắng mặt hoặc không hợp tác thì phải có chữ ký của người chứng kiến.

**Điều 13. Lập biên bản thu và niêm phong mẫu**

Biên bản thu và niêm phong mẫu nước thải được sử dụng theo Mẫu 03-MTr: Biên bản thu và niêm phong mẫu vật môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 61/2012/ TT-BCA-C41 ngày 16 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công an Ban hành các loại biểu mẫu sử dụng trong hoạt động kiểm định môi trường phục vụ công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của lực lượng Cảnh sát nhân dân. Ghi đầy đủ các thông tin trong biên bản. Nếu biên bản có nhiều tờ thì phải có dấu giáp lai hoặc chữ ký của những người có tên trong biên bản thu và niêm phong mẫu.

**Điều 14. Lưu giữ tạm thời và vận chuyển mẫu đến phòng thử nghiệm kiểm định môi trường**

1. Mẫu đã thu phải chuyển ngay về phòng thử nghiệm, trừ trường hợp bất khả kháng.

2. Trước khi chuyển cần đối chiếu giữa Biên bản thu và niêm phong mẫu vật môi trường với các mẫu trong thùng vận chuyển.

3. Tất cả các bình mẫu nước thải phải được bảo quản trong thùng bảo ôn, ở điều kiện môi trường có nhiệt độ (5±3) oC. Không niêm phong thùng bảo ôn, trừ trường hợp mẫu vật được chuyển theo đường giao liên hoặc thuê vận chuyển.

4. Phải đảm bảo duy trì được điều kiện môi trường bảo quản mẫu theo tiêu chuẩn quy định trong suốt quá trình vận chuyển.

**Điều 15. Kết thúc công tác thu mẫu**

1. Cán bộ thu mẫu bàn giao mẫu vật, Biên bản thu và niêm phong mẫu vật môi trường cho cán bộ tiếp nhận mẫu (của Cảnh sát môi trường) trong thời gian sớm nhất. Việc bàn giao phải lập thành biên bản theo Mẫu 04-MTr ban hành kèm theo Thông tư số 61/2012/TT-BCA-C41. Khi mở niêm phong phải có mặt đại diện cơ quan kiểm định, đại diện cơ quan thu mẫu.

2. Lập Yêu cầu kiểm định mẫu môi trường theo Mẫu 02-MTr ban hành kèm theo Thông tư số 61/2012/TT-BCA-C41 gửi cán bộ tiếp nhận mẫu.

3. Nếu giao mẫu cho đơn vị ngoài ngành Công an phân tích (sử dụng nhà thầu phụ) thì chỉ bàn giao mẫu có ghi ký hiệu, không ghi tên cơ sở, không kèm Biên bản thu và niêm phong mẫu vật môi trường và trong Yêu cầu kiểm định mẫu môi trường không ghi thông tin về địa điểm thu mẫu và cơ sở được kiểm tra.

4. Viết báo cáo thu mẫu theo Mẫu BCTM thuộc Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo phải ghi rõ tình hình xả thải, hệ thống xử lý, nghi vấn bất thường tại thời điểm thu mẫu.

**Điều 16. Đo kiểm môi trường tại hiện trường**

1. Với những thông số đo kiểm tại hiện trường thì cán bộ kiểm định tiến hành đo kiểm tại các điểm thu mẫu đã chọn.

2. Việc đo kiểm tại hiện trường đối với nước thải được tiến hành ngay trước hoặc đồng thời với quá trình thu mẫu và phải có sự chứng kiến của đại diện chủ nguồn thải hoặc đại diện cơ sở có nguồn thải hoặc người làm chứng. Chụp ảnh hoặc quay phim về điểm đo kiểm và hoạt động đo kiểm.

3. Lập Biên bản đo kiểm môi trường tại hiện trường theo Mẫu 05-MTr ban hành kèm theo Thông tư số 61/2012/TT-BCA-C41. Biên bản phải ghi kết quả đọc tức thời, có chữ ký của chủ nguồn thải hoặc đại diện cơ sở có nguồn thải.

**Mục 2**

**KIỂM ĐỊNH MẪU NƯỚC THẢI**

**Điều 17. Quy trình kiểm định mẫu nước thải**

1. Tiếp nhận, xem xét yêu cầu kiểm định và mẫu vật

Phòng thử nghiệm hoặc đơn vị kiểm định phải đánh giá chất lượng mẫu cần kiểm định vàxem xét yêu cầu kiểm định để xác định sự phù hợp với năng lực kiểm định. Trường hợp không phù hợp thì từ chối kiểm định hoặc sử dụng nhà thầu phụ thực hiện, trường hợp phù hợp thì tiến hành mã hóa mẫu (với mẫu chưa được mã hóa hoặc mã hóa chưa đạt yêu cầu) và phân công thực hiện nhiệm vụ phân tích theo các thông số cần kiểm định.

2. Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị và xử lý mẫu trước phân tích

a) Căn cứ vào các thông số cần phân tích của mẫu nước thải và phương pháp phân tích sẽ thực hiện để chuẩn bị đúng chủng loại, đúng và đủ về số lượng và chất lượng các trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất, thuốc thử và các mẫu QC phục vụ việc kiểm định;

b) Tiến hành xử lý mẫu trước phân tích theo quy trình xử lý mẫu trước phân tích ứng với phương pháp phân tích và thông số môi trường cụ thể.

3. Triển khai phân tích

Thực hiện phân tích theo quy trình kỹ thuật phân tích đã được phòng thử nghiệm xây dựng theo từng phương pháp cụ thể. Phải phân tích đồng thời mẫu cần kiểm định với các mẫu kiểm soát chất lượng*.*

4. Kết thúc công tác phân tích trong phòng thử nghiệm

a) Viết biên bản kiểm định tại phòng thí nghiệm theo Mẫu Mẫu 06-MTr bàn hành hành kèm theo Thông tư số 61/2012/TT-BCA-C41. Tính toán, xử lý các số liệu phân tích theo từng phép đo tương ứng. Kiểm tra tổng hợp về tính hợp lý của các kết quả phân tích mẫu nước thải. Việc kiểm tra dựa trên hồ sơ kiểm định (biên bản thu mẫu, biên bản đo kiểm hiện trường, biên bản giao nhận mẫu vật, biên bản kiểm định và các kết quả đo, phân tích trong phòng thử nghiệm, kết quả phân tích các mẫu QC);

b) Viết Kết luận kiểm định môi trường theo Mẫu 09-MTr hoặc Mẫu 10-MTr ban hành kèm theo Thông tư số 61/2012/TT-BCA-C41. Trường hợp chưa đủ điều kiện kết luận theo quy định thì viết Kết quả kiểm định môi trường theo Mẫu 07-MTr hoặc Mẫu 08-MTr ban hành kèm theo Thông tư số 61/2012/TT-BCA-C41. Phần mẫu còn lại sau phân tích được lưu theo quy định về kiểm soát chất lượng trong phân tích và quy định về quản lý mẫu vật môi trường (thời gian lưu là 30 ngày sau khi kết thúc kiểm định trừ khi có yêu cầu khác).

**Điều 18. Yêu cầu về điều kiện môi trường kiểm định**

1. Phòng bảo quản thiết bị kiểm định môi trường cần có diện tích từ 15 m2 trở lên, có điều hòa, hút ẩm, đồng hồ theo dõi nhiệt độ, độ ẩm. Điều kiện môi trường phòng bảo quản thiết bị cần đảm bảo về nhiệt độ: (10÷30) 0C, về độ ẩm: ≤ 80 %.

2. Phòng kiểm định mẫu môi trường cần tách biệt với phòng bảo quản thiết bị, có trang bị bàn phân tích; tủ hút khí độc; giá hoặc tủ để vật tư, hóa chất; bồn rửa dụng cụ; điều hòa; quạt thông gió. Điều kiện môi trường phòng kiểm định cần bảo đảm về nhiệt độ: (23±7) 0C, về độ ẩm: < 85 %.

**Điều 19. Lựa chọn nhà thầu phụ**

1. Khi năng lực của đơn vị kiểm định thuộc lực lượng Cảnh sát môi trường (nhà thầu chính) không đáp ứng yêu cầu hoặc cần đánh giá chất lượng kiểm định thì sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phụ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đối với nhà thầu phụ là đơn vị không thuộc lực lượng Công an nhân dân thì phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường còn hiệu lực với thông số phân tích, kiểm định. Khi thực hiện việc thu mẫu và đo kiểm hiện trường thì đơn vị thuộc Cảnh sát môi trường phải chủ trì thực hiện và cùng nhà thầu phụ ghi biên bản thu mẫu, biên bản kiểm định môi trường tại hiện trường;

b) Đối với nhà thầu phụ là đơn vị kiểm định thuộc lực lượng Công an nhân dân thì phảicó năng lực thực hiện việc kiểm định nước thải, không đòi hỏi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

2. Sau khi lựa chọn nhà thầu đáp ứng yêu cầu phải lập danh sách kèm theo hồ sơ năng lực của nhà thầu và phải được phê duyệt của lãnh đạo có thẩm quyền. Chỉ sử dụng nhà thầu phụ trong danh sách đã phê duyệt.

**Điều 20. Bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng kiểm định**

1. Đơn vị kiểm định phải thiết lập và duy trì các yêu cầu về kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng được quy định tại Thông tư này, bao gồm các quy định về nhân sự, cơ sở vật chất, điều kiện môi trường, quản lý và sử dụng thiết bị, quản lý mẫu, kiểm soát tài liệu, quản lý hồ sơ kiểm định (gồm hồ sơ thu mẫu, đo kiểm tại hiện trường, kiểm định mẫu nước thải trong phòng thử nghiệm).

2. Tham gia các chương trình thử nghiệm thành thạo

a) Đơn vị kiểm định phải định kỳ tham gia các chương trình thử nghiệm thành thạo cho các thông số thực hiện kiểm định do Trung tâm Kiểm định môi trường thuộc Cục Cảnh sát môi trường hoặc đơn vị có năng lực phù hợp theo ISO/IEC 17043 tổ chức;

b) Đơn vị phải đánh giá kết quả tham gia chương trình thử nghiệm thành thạo. Đối với các kết quả có giá trị |Zscore| >2, phải đánh giá nguyên nhân và có biện pháp khắc phục, phòng ngừa với các lỗi đã phát hiện.

3. Phương pháp kiểm định

Lựa chọn phương pháp kiểm định phù hợp được quy định tại Phụ lục IV Thông tư này. Các phương pháp sau khi được lựa chọn phải được kiểm tra, xác nhận giá trị sử dụng để đánh giá sự phù hợp với điều kiện áp dụng thực tế của phòng thử nghiệm theo quy định của phương pháp hoặc thiết bị. Các giá trị cần xác nhận bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các thông số: giới hạn phát hiện (LOD /MDL), giới hạn định lượng (LOQ), phạm vi ứng dụng (dải đo hay khoảng làm việc); độ tuyến tính của đường chuẩn (hệ số r hoặc r2); độ chệch (Δ%); độ thu hồi (R%); độ chụm (độ lặp lại, độ tái lập). Đối với các phương pháp theo thiết bị đo kiểm phù hợp với quy định của Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính, không nhất thiết phải thực hiện xác nhận giá trị sử dụng.

4. Kiểm soát chất lượng

Mỗi mẻ mẫu phải thực hiện phân tích tối thiểu một trong các mẫu kiểm soát chất lượng sau: mẫu trắng phương pháp (kiểm soát khả năng nhiễm bẩn của hóa chất, dụng cụ, thiết bị), mẫu chuẩn phương pháp, mẫu thêm chuẩn, mẫu lặp phương pháp (đánh giá độ chính xác của kết quả phân tích). Tiêu chí kiểm soát chất lượng được quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này. Kết quả kiểm định chỉ được chấp nhận khi các kết quả kiểm soát chất lượng đạt yêu cầu.

**Chương III**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 21. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023 và thay thế Thông tư số 41/TT-BCA ngày 06/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định kiểm định nước thải.

**Điều 22. Trách nhiệm thi hành**

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc triển khai thi hành Thông tư này.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thi hành Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát môi trường) để có hướng dẫn kịp thời./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **BỘ TRƯỞNG** |
| - Các đồng chí Thứ trưởng (để chỉ đạo);- Các đơn vị thuộc Bộ (để thực hiện); - Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để thực hiện); - Lưu: VT, C05, V03. |  |  |
| **Đại tướng Tô Lâm** |